

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 127 /QĐ-TTGDNNGDTX ngày 29/12/2023 của Trung tâm GDNN-GDTX)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	3.925.452.160
I	Số thu phí, lệ phí	1.254.600.000
1	Học phí	1.254.600.000
2	Phí	
3	Thu thỏa thuận, hoạt động dịch vụ	1.906.000.000
1	Tiền dạy bổ sung kiến thức	1.146.000.000
2	Tiền Phối hợp đào tạo	210.000.000
3	Tiền học Tin Học	131.000.000
4	Tiền căn tin - bãi xe	419.000.000
4	Các loại quỹ trích cuối năm 2023 mang sang 2024	539.652.006
1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	281.339.953
2	Tiền quỹ khen thưởng	133.439.437
3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	
4	Tiền quỹ phúc lợi	124.872.616
5	Các khoản thu hộ chi hộ	225.200.154
1	Tiền Ăn Phẩm	133.684.375
2	Tiền lệ phí bằng	1.621.000
3	Tiền CSSKBĐ	89.894.779
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.670.852.160
1	Chi thỏa thuận, hoạt động dịch vụ	1.906.000.000
1	Tiền dạy bổ sung kiến thức	1.146.000.000
2	Tiền Phối hợp đào tạo	210.000.000
3	Tiền học Tin Học	131.000.000
4	Tiền căn tin - bãi xe	419.000.000
4	Các loại quỹ trích cuối năm 2022 mang sang 2023	539.652.006

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	281.339.953
2	Tiền quỹ khen thưởng	133.439.437
3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	-
4	Tiền quỹ phúc lợi	124.872.616
5	Các khoản thu hộ chi hộ	225.200.154
1	Tiền Ấn Phẩm	133.684.375
2	Tiền lệ phí bằng	1.621.000
3	Tiền CSSKBD	89.894.779
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.254.600.000
1	Lệ phí	1.254.600.000
	Học phí	1.254.600.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.151.292.809
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.151.292.809
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.151.292.809
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.167.697.809
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.983.595.000

Ngày 15 tháng 4 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

